

VỀ LIÊN TỪ *CHỨ* TRONG LIÊN KẾT CÂU

ON THE CONJUNCTION “CHỨ” IN VIETNAMESE

*Lê Thị Minh Hằng**

Nhóm liên từ *nhưng, mà, còn, chứ* có nhiều đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ dụng gần gũi nhau, và cũng rất khác biệt nhau. Việc chỉ ra những đặc điểm đó, và cùng với nó là những chỉ dẫn sử dụng, là một hướng lập thức quan trọng phục vụ cho lý thuyết Việt ngữ học và cả thực tiễn giảng dạy tiếng Việt. Tuy nhiên, từ trước đến nay, các công trình có liên quan đều chưa đủ thuyết phục.

“Từ điển tiếng Việt” (Hoàng Phê CB, 2003) định nghĩa *chứ* (kết từ) là “từ biểu thị điều sắp nêu ra phủ định khả năng ngược lại điều vừa nói đến, để bổ sung khẳng định thêm điều muốn nói”.

- (1) Tôi vẫn còn nhớ, *chứ* quên thế nào được.
- (2) Anh ta *chứ* ai.
- (3) Thế *chứ* còn gì nữa.
- (4) Thà chết *chứ* không khai.

Nguyễn Anh Quế trong “Hư từ trong tiếng Việt hiện đại” [7] cho rằng “*chứ* vốn có chức năng là một liên từ nối hai thành phần câu hoặc hai câu”:

- (5) Chúng em đi chợ về *chứ* đi đâu.

Riêng trong trường hợp *chứ ai/chứ gì nữa/chứ đâu* thì Nguyễn Anh Quế giải thích: *chứ* vốn là ngữ khí từ dùng để tạo câu hỏi; khi kết hợp với các từ *sao, gì, lại, lý* ở sau tạo thành *chứ sao, chứ gì, chứ lại*, và kết hợp với *đây, ấy* ở trước thành *đây chứ, ấy chứ* thì khả năng tạo câu nghi vấn của *chứ* hoàn toàn đã bị mất. Lúc này *chứ* chỉ dùng để tạo câu khẳng định và có ý nghĩa nhấn mạnh: “Nó lại muốn về với vợ *chứ* gì!”.

Hoàng Trọng Phiến trong “Cách dùng hư từ tiếng Việt” [4] cho *chứ* là liên từ, nối kết hai vế câu đối lập về hành vi nhưng thống nhất về mục đích.

- (6) Thà chết *chứ* không chịu làm nô lệ.
- (7) Anh gây ra chuyện lộn xộn này *chứ* còn ai nữa?

Chứ gì, chứ không, chứ sao, Hoàng Trọng Phiến cho là các quán ngữ biểu thị “không có cái khác nữa”, “khẳng định ý trái ngược với người nghe”, và “tại sao không”; tất cả đều có chức năng hỏi.

Sau đây chúng tôi thử phân tích những biểu hiện ngữ pháp và ngữ nghĩa của vế câu *chứ* trong mối quan hệ với vế trước dựa trên 1.000 câu có chứa *chứ* thu thập được từ tác

* Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM.

phẩm “Kính vạn hoa” của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh¹ Hầu hết các thí dụ dẫn trong bài viết đều được trích từ tác phẩm này.

Về cơ bản, với tư cách là liên từ, *chứ* khởi đầu một tiểu cú có quan hệ đẳng lập với tiểu cú đứng trước; tức là ở đây ta có một câu ghép. Trên chữ viết, hai thành phần câu này (từ đây chúng tôi sẽ gọi đơn giản là “vé (câu)”, “vé trước”, “vé sau”) có thể đứng độc lập thành hai phát ngôn hoàn chỉnh, phân cách bằng dấu chấm, và nhiều khi mỗi vé lần lượt là sản phẩm của một trong hai người tham gia hội thoại. Vé câu khởi đầu bằng *chứ* có cấu trúc của một tiểu cú hoàn chỉnh hoặc một tiểu cú tình lược – có thể tình lược đề/chủ ngữ, có thể tình lược thuyết hoặc một thành tố của thuyết.

Về logic, phát ngôn có chứa *chứ* là một phép hội [$P \wedge \sim(\sim P)$], có thể diễn giải: với phát ngôn *chứ* người nói *khẳng định P* và *phủ định/bác bỏ không P*. Như vậy, giá trị thực của phát ngôn không đổi với sự có mặt của vé sau, nhưng *chứ* mang lại cho phát ngôn một giá trị riêng về ngữ nghĩa và ngữ dụng. Có thể nói đến hai biểu hiện ngữ nghĩa của *chứ*.

1. *Chứ* loại trừ

1.1. Vé câu “*chứ...*” là một thông tin loại trừ, nhằm xác nhận và tăng cường nội dung đã được nêu ra ở vé trước

Ở biểu hiện này, ở vé trước người nói đưa ra một phát ngôn khẳng định sự tình P, liên sau đó đưa một phát ngôn loại trừ nhằm phủ định sự tình $\sim P$. Trong ngôn ngữ, một phủ định có thể là phủ định chung (tầm phủ định tác động đến thành phần chính của câu – sở đề và sở thuyết của mệnh đề logic – hoặc cả câu) hoặc phủ định riêng (tầm phủ định chỉ tác động đến một yếu tố kiến tạo ngữ đoạn). Thông thường, liên từ *chứ* liên kết một phủ định chung, vì nó hành chức như một liên từ cấp độ câu.

1.1.1. Hai vé có cùng đề, vé sau là một biểu thức biểu thị ý loại trừ một khả năng khác có liên quan đến sự tình đã nêu ở vé trước. Công thức chung: [Đ1 – T1 *chứ* không/đâu phải (là) (Đ1) – T2]. Thí dụ:

(8) Để chỉ biết tiên chứ không biết lùi.... (NNA)

(9) Tao tập ném chim chứ đâu có tập ném xoài! (NNA)

(10) Nó vẽ bằng bút chì chứ không vẽ bằng màu nước.

(11) Thăng Tiểu Long bạn tao lờ khờ chứ đâu có thông minh nghe đâu hiểu đó như mày! (NNA)

(12) Chuyện con búp bê bò ra đường là do em chứ không phải do nhỏ Diệp. (NNA)

(13) Ở lớp, nhỏ Hạnh học giỏi đều các môn chứ không chỉ nghiêng về các môn khoa học tự nhiên như Quý rôm nên luôn luôn đứng đầu trong bảng xếp hạng. (NNA)

¹ Bản online, truy cập ở địa chỉ: http://isach.info/story.php?list=story&author=nguyen_nhat_anh.

Ở các câu trên, quan hệ giữa yếu tố bị phủ định của vế *chứ* với yếu tố tương ứng ở vế trước thường có hai trường hợp: khác biệt ở bộ phận bổ ngữ hoặc trạng ngữ – một yếu tố thuộc T2: ở (8) là “tiền” và “lùi”, ở (9) là “chim” và “xoài”, ở (10) là “(bằng) bút chì” và “(bằng) màu nước”); khác biệt ở cả phần thuyết T2 (các câu (11) – (13)).

Cũng có khi, vế trước và vế sau không phải là một tiểu cú hoàn chỉnh. Thí dụ:

(14) (Mày đừng có sốt ruột!) Ném lon *chứ* đầu phải làm trò ảo thuật! (NNA)

(15) (Các cháu phải ném đồ năm chòng lon liên tiếp kia!) Liên tiếp *chứ* không được cách quãng! (NNA)

(16) (Nó muốn học môn văn với cô Linh.) Cô Linh *chứ* không phải thầy Trung.

Ở (14), “ném lon” và “làm trò ảo thuật” là ngữ vị từ, có thể xem là phần thuyết của một tiểu cú tình lược đề, chẳng hạn “đây (là)”, “đó (là)”. Trong khi đó, ở (15), “liên tiếp” (và “cách quãng”, tương ứng với nó) là trạng ngữ cách thức của ngữ vị từ “ném đồ” của câu trước; ở (16), “cô Linh” (và “thầy Trung”, tương ứng với nó) là danh ngữ biểu thị tham tố liên đới của câu trước. Tất cả hai câu này đều có thể xem là những câu tình lược đặt trong quan hệ mạch lạc (coherence) với phát ngôn trước đó.

Về mặt ý nghĩa, nếu xem các câu trên như là những phát ngôn riêng biệt, có vẻ như vế trước đã truyền đạt nội dung thông tin chính của cả phát ngôn và đã đủ tường minh, phần còn lại chỉ là thông tin “chú thích”, “tăng cường” cho nó. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa hai vế thực ra đa dạng hơn: có khi vế *chứ* đơn thuần loại trừ một trường hợp trái ngược (trên hình thức là một yếu tố trái nghĩa) với vế trước; có khi vế *chứ* loại trừ một mức độ khác của điều được nêu ở vế trước; cũng có khi vế *chứ* bác bỏ “cái cho sẵn” đã được cung cấp bởi một câu hoặc bởi ngữ cảnh đi trước.

Thử xét các câu sau đây trong ngôn cảnh đầy đủ:

(17) Trong bọn nhóc Xóm Dưới, Dế là đứa đánh nhau hăng nhất. Nó to con gấp rưỡi thằng Tắc Kè Bông, lại lì lợm không ai bì. Mỗi khi xung trận, Dế chỉ biết *tiền* *chứ* không biết *lùi*, vì vậy trẻ con hai xóm gọi nó là Dế Lửa.

(18) Nhưng nó chỉ *ngạc nhiên* thôi, *chứ* không *ngán ngại* như hôm trước.

(19) Nhưng nó chỉ lạnh lẽo về chân tay, còn phản xạ đầu óc thì tương đối chậm chạp. *Chậm chạp* *chứ* không phải *đần độn*.

(20) Dẫu biết rằng hội phụ huynh nhà trường chỉ giúp *ngặt* *chứ* chẳng thể giúp *nghèo* và mình không nên yêu cầu hội làm quá khả năng.

(21) - Anh tới... ném xoài giùm tui em! (...) Xoài nhà bạn em ngọt lắm... Nhỏ Oanh khôn ngoan "quảng cáo" khiến Tiểu Long nuốt nước miếng đánh "ực" một cái. Nhưng nó nhất quyết không để bị dụ dỗ:

- Tao tập ném chim *chứ* đầu có tập ném xoài!

(22) Tiểu Long hết sợ môn toán thì Quý ròm đâm sợ Tiểu Long. Một hôm nó nhìn “học trò” mình bằng ánh mắt “là lạ”.

- Bây giờ mày không còn là thằng Tiểu Long nữa!

- Nghĩa là sao? - Tiểu Long ngơ ngác hỏi lại. Quý ròm mỉm cười:

- Thằng Tiểu Long bạn tao lờ khờ *chứ* đâu có thông minh nghe đâu hiểu đó như mày!

Rõ ràng, ở (17), “*chứ* không biết lùi” là vế câu loại bỏ thuộc tính trái ngược với thuộc tính đã nói ở vế trước, thông qua hai từ đối nghĩa “tiến” – “lùi”; có thể nói về ngữ nghĩa vế *chứ* có vai trò xác nhận và tăng cường nội dung của vế trước mà cái nội dung này vốn là trọng tâm thông báo, đã đủ hoàn chỉnh và tường minh. Nghĩa là sự có mặt của vế *chứ* mang tính tùy nghi (có thể loại bỏ: “... Để chỉ biết tiến, vì vậy trẻ con hai xóm gọi nó là Đẻ Lửa”). Nhưng ở đây có thể nảy sinh câu hỏi: tại sao cần phải loại trừ khả năng “lùi”? Lý do: “lùi” là khả năng liên tưởng đối lập mà người nói cho rằng có thể xuất hiện trong tâm trí của người đối thoại cho nên cần phải phủ định/bác bỏ để tăng cường độ xác quyết của điều vừa nói. Sự liên tưởng đối lập này của người nói có cơ sở từ kinh nghiệm hoặc kiến thức chứ không thuộc về lĩnh vực ngôn từ (chẳng hạn, khi nghe hỏi “Anh là người nước nào?”, một người Hàn có thể trả lời “Tôi là người Hàn, chứ không phải người Nhật”; lý do: hoặc anh ta thường bị nhầm là người Nhật hoặc anh ta biết là anh ta có vẻ ngoài giống người Nhật hoặc anh ta biết là người nước ngoài khó phân biệt người Hàn với người Nhật, v.v.). Tuy nhiên, trong thực tế nói năng, có nhiều trường hợp cái đối lập vừa nói chỉ là một khả năng khác xuất hiện trong mạch tư duy của người nói: có vẻ như sau khi khẳng định P, người nói cảm thấy rằng chưa đủ mạnh, cần phải “chú thích” thêm “*chứ* ~P” (chẳng hạn, khi một sinh viên thông báo với bạn “Tuần sau mình đăng ký học thêm tiếng Anh. Tiếng Anh khó *chứ* không dễ”, tình huống hội thoại và ngữ cảnh rõ ràng không đủ để người nói “gán” cái ý nghĩ “tiếng Anh dễ” cho người nghe mà nó chỉ là phần nói thêm thuộc về tư duy của người nói).

Cũng có khi, hành động loại trừ không nằm ở sự đối lập: vế *chứ* có thể loại trừ một nội dung mà người nói cho là gần gũi với nội dung đã nêu ở vế trước, có thể gây nhầm lẫn, vì sự khác nhau giữa hai mức độ của một thuộc tính hoặc giữa hai tên gọi của một hiện tượng. Suy cho cùng, đây cũng là một biểu hiện tương tự với những điều vừa trình bày ở trên: người nói dựa trên nhận thức rằng vế trước có thể dẫn đến một suy luận không đúng ở người nghe và đưa ra vế *chứ* để loại trừ nó.

Ở (18), “ngạc nhiên” là trạng thái thật, đúng với “nó”, rất dễ nhầm là “ngán ngại” nên phải loại trừ. Ở (19), “đầu óc chậm chạp” có thể dẫn đến nhận định rằng “nó đần độn”, cho nên phải loại trừ. Ở (20), “giúp gạt”, tức là “giúp vượt qua khó khăn tạm thời”, thì có thể; còn “giúp nghèo”, tức “giúp trở nên sung túc hơn”, thì vượt quá khả năng của “hội phụ huynh”; cần loại trừ cách hiểu sau vì giữa “gạt” và “nghèo” là hai trạng thái rất dễ nhầm lẫn với nhau.

Sự có mặt của vế sau có tác dụng tái khẳng định điều vừa nói bằng cách chỉ ra giới hạn ý nghĩa của *từ ngữ* là tiêu điểm thông tin, cho nên cách dùng này mang màu sắc siêu ngôn

ngữ khá rõ (“Tôi nói món này ăn được *chứ* không nói ngon”, “Bác sĩ khuyên ăn cá biển *chứ* không phải cá nước lợ”), và đôi khi được sử dụng với mục đích tu từ.

Nhưng (21) và (22) thì khác. Ở ngôn cảnh (21), “Nhỏ Oanh” muốn “Tiểu Long” đến nhà bạn “ném xoài”, và “Tiểu Long” từ chối. Hành động từ chối này lẽ ra chỉ cần về sau (“(tao) đâu có tập ném xoài”) là đủ; nhưng “Tiểu Long” lại đưa ra một thông tin mới, có vẻ thừa: “Tao tập ném chim”. Lúc này, sự có mặt của tiểu cú sau *chứ* là bắt buộc, vì nó mới đáp ứng nguyên tắc hội thoại (nói “vào đề” [1: 119]): nó *trực tiếp* bác bỏ hàm ý của “nhỏ Oanh” (- “Anh tới... ném xoài giùm tui em!” → “Anh có thể ném xoài”; - “Tao đâu có tập ném xoài” → “Tao không thể ném xoài”). Hàm ý này là một kiểu “cái cho sẵn”, được cung cấp từ phát ngôn đi trước của người đối thoại. Trong khi đó, nếu về trước đứng “một mình” làm lời đáp trong ngôn cảnh này thì hành động bác bỏ là gián tiếp, vì phải “thông qua” ít nhất một bước suy ý trung gian (“Tao tập ném chim” → “Tao không tập ném xoài” → “Tao không thể ném xoài”); và thông thường nó phải viện đến sự trợ giúp của một/vài yếu tố tình thái nào đó (“Tao đang tập ném chim mà!”, “Tao chỉ tập ném chim thôi”, v.v.).

Nói chung, sở dĩ hai về có mối liên kết ngữ nghĩa là vì cả hai cùng bác bỏ một hàm ý (“Anh có thể ném xoài”) của người đối thoại, có thể diễn giải: “Tao không thể (tới nhà nó) ném xoài, vì *tao tập ném chim chứ đâu có tập ném xoài*”. Chỉ trên cơ sở này, sự có mặt của về trước mới có thể xem là thỏa đáng, ngay cả khi nó đứng “một mình”; và như vậy, về *chứ* mới đóng vai trò tăng cường thông tin cho nó.

Tương tự, ngôn cảnh ở (22) thái độ và câu hỏi của “Tiểu Long” hàm ý rằng “Tiểu Long” không thừa nhận nhận định của “Quý ròm” ([“Nghĩa là sao?” + “ngơ ngác”] → “Tao ngạc nhiên khi nghe ‘mày không còn là thằng Tiểu Long nữa’” → “Tiểu Long vẫn là Tiểu Long”). Ở lời của “Quý ròm”, về sau trực tiếp bác bỏ “hàm ý” của “Tiểu Long” (“Thằng Tiểu Long đâu có thông minh nghe đâu hiểu đó như mày!” → “Tiểu Long không còn là Tiểu Long”). Trong khi đó, nếu đứng “một mình” về trước lại phải thông qua suy ý trung gian (“Thằng Tiểu Long bạn tao lờ khờ” → “Mày không lờ khờ” → “Mày không giống Tiểu Long bạn tao” + “(mà sự thật) mày là Tiểu Long” → “Tiểu Long không còn là Tiểu Long”)². Và cả hai về cùng bác bỏ hàm ý (biểu hiện qua thái độ hơn là qua ngôn từ) của người đối thoại, có thể diễn giải: “Tiểu Long không còn là Tiểu Long, vì *Tiểu Long trước đây lờ khờ chứ không thông minh như bây giờ*”; lúc này về *chứ* mới đóng vai trò xác nhận và tăng cường thông tin cho về trước.

Như vậy, từ (17) đến (22) có thể nói rằng sự có mặt của về *chứ* là nhằm loại trừ nhận định, hàm ý của người đối thoại (suy ra từ ngữ cảnh ngôn từ hoặc phi ngôn từ trước đó), hoặc loại trừ một khả năng đối lập xuất hiện trong mạch suy nghĩ của người nói.

1.1.2. Hai về có hai đề khác nhau, có khi (i) về trước và về sau nêu hai sự tình đối lập với hai đề khác biệt nhau (theo kiểu [Đ1 – T *chứ* Đ2 (thì) *không* T]); có khi (ii) về trước khẳng

² Dĩ nhiên, còn một hàm ý khác sâu hơn, biểu hiện qua lời của “Quý ròm”: “Mày đã giỏi hơn so với trước đây”. Nhưng hàm ý này liên quan trực tiếp đến nhận định trước đó “Bây giờ mày không còn là thằng Tiểu Long nữa”.

định một sự tình và về sau loại trừ khả năng hành động, quá trình, thuộc tính đã đề cập có thể “ứng dụng” cho một đề khác, hay nói cách khác, về *chứ* phủ định/bác bỏ khả năng “điều chỉnh” đề của người đối thoại (theo kiểu [Đ1 – T *chứ* không phải (là) Đ2]); có khi (iii) về trước đưa ra một thông báo/nhận định và về sau lại trình bày một thông báo/nhận định khác (theo kiểu [Đ1 – T1 *chứ* Đ2 – T2]). Thí dụ:

(23) Chuyện đó thằng Nam biết *chứ* tao không biết.

(24) Chim nó nhúc nhích *chứ* xoài đâu có nhúc nhích! (NNA)

(25) Em Oanh té *chứ* không phải con! (NNA)

(26) Bây giờ thì nó đã bàng hoàng hiểu ra chính nhỏ Hạnh là người đem lại kết quả học tập cho Tiểu Long *chứ* không phải nó. (NNA)

(27) Đi Vũng Tàu bằng tàu cánh ngầm thì nhanh, *chứ* đi bằng xe đò thì cũng phải hơn 2 tiếng.

(28) Con Hồng Lam tính nết còn đỡ, *chứ* con Ngọc Diệu thì hư quá. (NNA)

(29) Các bạn thích con sáo thì đến đây chơi, *chứ* Hạnh không đòi đâu! (NNA)

Các câu (23), (24) thuộc trường hợp (i); các câu (25), (26) thuộc trường hợp (ii); và các câu (27) – (29) thuộc trường hợp (iii).

Các câu (i) và (ii) chỉ khác nhau ở phạm vi phủ định, một bên là phủ định thuyết còn một bên là phủ định cả tiểu cú, và đều là phủ định chung; trên thực tế chúng có thể chuyển đổi cho nhau một cách dễ dàng; chẳng hạn (23) có thể viết lại: “Chuyện đó thằng Nam biết *chứ* không phải tao”, (25) có thể viết lại: “Em Oanh té *chứ* con không té”.

Về ý nghĩa, ở trường hợp (i) và (ii), tương tự các biểu hiện ở mục 1.1.1, nội dung của về *chứ* là loại trừ khả năng xảy ra cái sự tình thuộc về nhận định hoặc hàm ý của người đối thoại (mà người nói nhận biết). Trong câu truyện, “nhỏ Oanh” sử dụng phát ngôn (24) khi bác bỏ lý do “Tiểu Long” đưa ra để từ chối việc “ném xoài” (khi “Tiểu Long” nói: “Tao tập ném chim chứ đâu có tập ném xoài”). Theo “nhỏ Oanh”, “ném xoài” là việc dễ (vì “xoài đâu có nhúc nhích”), không phải như hàm ý của “Tiểu Long” (“ném xoài” là việc khó, không tập thì không ném được). Như vậy, trong khi về trước của câu là thông tin hay nhận định của người nói – thông tin mới – thì về *chứ* có nhiệm vụ liên kết phát ngôn của người nói với ngôn cảnh hay ngữ cảnh đi trước bằng cách loại trừ nhận định hay hàm ý – “cái cho sẵn” – của người đối thoại (có khi lại là nhận định trước đó của chính người nói, thí dụ (26)). Trong hội thoại, chính về *chứ* này sẽ bảo đảm nguyên tắc “nói vào đề” của phát ngôn. Chẳng hạn, xét ngữ cảnh của câu (25):

- Dầu à? - Ba ngồi xuống đi-văng - Con mới bị té hay sao?

- Em Oanh té *chứ* không phải con!

Rõ ràng, nội dung của về *chứ* mới trả lời thỏa đáng cho câu hỏi của người đối thoại.

Trường hợp (iii) rất khác với (i) và (ii). Ở đây, hai vế câu là hai phát ngôn riêng biệt ([Đ1 (thì) T1, *chứ* Đ2 (thì) T2]), trong đó Đ1 và Đ2 có mối liên hệ hiện thực với nhau (ở (27): “tàu cánh ngầm” và “xe đò” đều là phương tiện giao thông, ở (28): “Hồng Lam” và “Ngọc Diệp” là hai chị em) và/hoặc T1 và T2 phải đối lập nhau về ý nghĩa (ở (27) “nhanh” – “hơn hai tiếng”, hàm ý là “chậm”). Sự đối lập về ngữ nghĩa này bao hàm cả sự khác biệt trên một thang độ nào đó (ở (28): “(tính nét) còn đỡ” là một nhận định âm tính nhưng ở mức độ thấp, còn “hu” âm tính ở mức độ cao hơn).

Ở thí dụ (29), khi các bạn “thương lượng” về việc đổi con chim sáo, nhân vật “Hạnh” trả lời: “Các bạn thích con sáo thì đến đây chơi, chứ Hạnh không đổi đâu!”; rõ ràng ở thí dụ này không hiện lên sự liên quan giữa đề, thuyết của hai vế như đã nói ở trên. Ở đây, vế trước cho biết “đến chơi với con sáo thì được”, vế sau cho biết “đổi con sáo thì không được”. Như vậy, xét trong phạm vi một câu, ở các thí dụ (27) – (29), *chứ* có vai trò liên kết bổ sung: vế sau bổ sung một thông tin hoặc nhận định cho vế trước để cùng thể hiện một hàm ý của người nói.

Tuy nhiên, điều chi phối quan hệ ngữ nghĩa giữa hai vế, làm cho nó có thể liên kết với nhau bằng liên từ *chứ*, không phải chỉ là nội dung của hai vế mà còn là mối quan hệ ngữ dụng giữa chúng với ngữ cảnh hoặc ngôn cảnh chung quanh – trước hết là phát ngôn của người đối thoại.

Thử xét các câu sau đây:

(30) (- Tủ lạnh hiệu này rất tệ!)

- a. - Hiệu này, tủ lạnh thì tệ, *chứ* máy giặt thì xài cũng được.
- b. - Tủ lạnh hiệu này thì tệ, *chứ* (tủ lạnh) hiệu kia thì tốt lắm.
- c. - Hiệu này, máy giặt thì tốt, *chứ* tủ lạnh thì đúng là tệ!
- d. - Không, tủ lạnh hiệu này xài được lắm, *chứ* không tệ đâu.
- e. - ?Không, tủ lạnh hiệu này xài được lắm, *chứ* hiệu kia thì đúng là tệ!
- f. - ?Không, tủ lạnh hiệu này xài được lắm, *chứ* máy giặt thì đúng là tệ!

Câu đáp (30a) và (30b) về cơ bản giống nhau: vế trước nhận phát ngôn của người đối thoại làm cái cho sẵn, sau đó vế *chứ* bổ sung thêm một thông tin (mới) mà người nói cho rằng người đối thoại *có thể* không biết hoặc không đúng – thực chất, đây là một sự loại trừ (phủ định/bác bỏ) đã nói ở trên. Lý do mà người nói thấy cần bổ sung xuất phát từ một suy luận dựa trên sự khái quát thông tin mà người đối thoại đưa ra (“Tủ lạnh hiệu này tệ thật!” → “hiệu này thứ gì cũng tệ”: ứng dụng cho (30a); → “tất cả tủ lạnh đều tệ”: ứng dụng cho (30b)). Điều này giải thích vì sao (30a) có đề tương phản là “tủ lạnh” – “máy giặt”, và (30b) đề tương phản là “hiệu này” – “hiệu kia”. Cũng cần chú ý rằng, ở (30b), “hiệu kia” phải nằm trong ngữ cảnh trực tiếp của hai bên hội thoại, nghĩa là nó phải được người nghe nhận biết tức thì, hoặc có sẵn trong đầu người nghe, nếu không thì nó phải có sở chỉ duy nhất, được chỉ ra bằng một tên riêng (chẳng hạn “hiệu Samsung”, “hiệu Toshiba”, v.v.).

Ở câu đáp (30c), trật tự thông tin có sự thay đổi: vế trước là thông tin mới, vế *chứ* lại là cái có sẵn từ ngữ cảnh. Trật tự này đòi hỏi khá khắt khe về ngữ dụng: thứ nhất, nó dựa trên một đề chung (“hiệu này”) mà người nói chọn lựa làm xuất phát điểm để “tư duy” chứ không trực tiếp hướng vào thông tin/nhận định của người đối thoại (người đối thoại hướng vào “tủ lạnh”); thứ hai, cái cho sẵn nằm ở vế *chứ*, nhưng nó phải được trình bày như là một phát ngôn xác nhận điều mà người đối thoại đã nói (hoặc có thể người đối thoại không nói ra trực tiếp nhưng người nói rút ra từ thái độ, từ hàm ý của người đối thoại) kèm theo hành động ngôn từ của người nói, nghĩa là vế *chứ* cần những dấu hiệu tình thái thích hợp (“vâng...” “đúng là...”, “quả thật...”, “...thật”) hoặc được diễn đạt bằng một lời lẽ khác (“*chứ* tủ lạnh ai mà mua!”, “*chứ* tủ lạnh thì chán lắm!”, “*chứ* tủ lạnh anh đừng đụng vào!”, ss. với ?“Hiệu này, máy giặt thì tốt, *chứ* tủ lạnh rất tệ”).

Ở câu đáp (30d), vế trước và vế sau cùng đề, không thuộc trường hợp (iii) đang bàn. Theo đó, vế trước là một phát ngôn khẳng định (điều trái với nhận định/thông tin của người đối thoại), vế *chứ* là một phát ngôn loại trừ khả năng khác, nhằm tăng cường sức nặng cho vế trước (x. mục 1.1.1).

Trong khi đó, câu đáp (30e) và (30f) cũng có vế trước khẳng định (như (30d)), nhưng vế *chứ* không nhằm nội dung bác bỏ/phủ định mà là một thông tin mới, với một đề mới; nó không tạo được sự mạch lạc với ngữ cảnh đã biết cho nên khó có thể xem là chuẩn tắc.

Cần nói thêm về mối quan hệ mạch lạc giữa ngữ cảnh đi trước và phát ngôn đang bàn: thông thường, trong hội thoại, chính ngữ cảnh đi trước sẽ đặt ra giới hạn cho phát ngôn theo sau, dĩ nhiên là thông qua suy ý của người nói (từ phát ngôn hay thái độ của người đối thoại) và kèm theo đó là phản ứng của người nói đối với những gì mà anh ta nhận được từ ngữ cảnh. Thử so sánh các khả năng đáp trong trường hợp sau:

(31) (- Anh có thích đi Nhật không?)

- a. Đi chơi thì thích, *chứ* đi làm thì không.
- b. Đi làm thì không, *chứ* đi chơi thì thích.
- c. Người khác thì thích, *chứ* tôi thì không.
- d. Người khác thì không, *chứ* tôi thì thích.
- e. ?Tôi thì không, *chứ* người khác thì thích.
- f. ?Tôi thì thích, *chứ* người khác thì không.

Ở (31), trong tình huống giả định rằng người hỏi không có hàm ý nào cả, người đáp cần thông tin về ý thích của chính bản thân mình thì cả bốn khả năng trong hai câu đáp (31a, b) đều thích hợp và tự nhiên – chỉ có điều là người nói thấy cần khẳng định thêm ý thích của mình bằng cách loại trừ một khả năng, do đó dùng *chứ*.

Ở (31c, d), người nói tiếp nhận câu hỏi ở một góc độ khác – trong sự đối chiếu với “người khác” cho nên đặt hai đề tương phản ở hai vế: “người khác” – “tôi”. Ở đây cần chú ý đến cái tiền ước (presumption) giữa hai bên hội thoại: “Nhật là một nơi đáng đi” (31c),

“Nhật là một nơi khó sống” (31d), “nhiều người thích/ghét đi Nhật”; và cũng cần chú ý đến hàm ý của người nói: “tôi không giống với người ta”.

Trong khi đó, câu (31e, f) cũng có hai đề tương phản, nhưng về *chứ* nói về một đề khác với cái đề là tiêu điểm thông tin của người hỏi; do vậy, hai câu này chỉ được xem là phát ngôn tự nhiên và thích hợp khi giữa hai bên hội thoại phải có một tiền ước nào đó nữa (chẳng hạn người đáp ngầm hiểu là người nói đang nói về một suất đi Nhật đang được giành giật hoặc đùn đẩy nhau; dĩ nhiên, lúc này lời đáp sẽ có hàm ý khác). Nếu không, nó sẽ khó được chấp nhận.

1.2. Về câu “*chứ...*” là một thông tin loại trừ ở dạng nghi vấn phủ định, nhằm khẳng định và tăng cường nội dung đã nêu ở về trước

Ở biểu hiện này, về trước là một thông tin, nhận định của người nói, về *chứ* được trình bày dưới hình thức một chất vấn nhưng có lực ngôn trung là một phủ định/bác bỏ, chính thông qua đó người nói loại trừ mọi khả năng trái ngược hoặc khác biệt với điều đã nêu ra ở về trước. Trong hoạt động của *chứ*, có thể xem đây là hình thức “loại trừ” có lực ngôn trung mạnh.

Có thể nói đến ba trường hợp:

1.2.1. Về trước là một phát ngôn khẳng định; về *chứ* mang hình thức một chất vấn, nội dung loại trừ có mặt trước đại từ nghi vấn. Ở trường hợp này, thay vì từ nghi vấn ở cuối câu, có thể dùng từ phủ định (*không/đâu (phải)...*, tương tự 1.1.1) trước nội dung loại trừ; dĩ nhiên, khi đó sức nặng của phát ngôn không còn như trước nữa. Thí dụ:

(32) Nó khỏe như vâm *chứ* ốm o *gì?* (\approx ... *chứ* không ốm o!) (NNA)

(33) Nó đi, nó lại về. Dăm bữa nửa tháng *chứ* lâu la *gì?* (\approx ... *chứ* không lâu la!) (NNA)

(34) Người ta lên đây chơi rồi đề thơ làm kỷ niệm *chứ* mật mã mật miếc *gì!* (\approx ... *chứ* không phải mật mã!) (NNA)

(35) Mày là em tao *chứ* bộ là chị tao *sao?* (\approx ... *chứ* không phải chị tao!) (NNA)

Trường hợp này cũng có thể có một hình thức khác: “... *chứ* sao (lại) không (...)!”. Ở hình thức này, về trước thường khẳng định điều mà người đối thoại muốn hỏi hoặc đang ngờ vực (đây chính là “tiêu điểm” thông tin/chất vấn của người đối thoại), về *chứ* chất vấn lý do của câu hỏi hoặc điều ngờ vực đó. Và như vậy, nội dung khẳng định của về trước được tăng cường. Xét hai đoạn thoại:

(36) - Nhưng câu đó thì liên quan gì đến tao?

- Liên quan mật thiết *chứ* **sao không!** (NNA)

(37) - Em có đi học thêm thật không đấy? Hay lại đi chơi?

- Thật *chứ* **sao** lại **không** thật! (NNA)

Ở (36), (37) người đối thoại hỏi hoặc tỏ ra ngờ vực về sự “liên quan”, sự “thật”, người đáp dùng ngay từ ngữ đó để đưa ra một xác quyết (về trước), và sau đó chất vấn để loại trừ khả năng trái ngược.

1.2.2. Về trước là một phát ngôn khẳng định; về *chứ* mang hình thức một chất vấn, nhưng khác với trường hợp trên ở chỗ nội dung loại trừ không có mặt trước đại từ nghi vấn. Ở trường hợp này không thể thay từ nghi vấn ở về *chứ* bằng từ phủ định như ở 1.2.1.

(38) (- Anh bảo cây gì?) - Cây roi *chứ* cây gì!

(39) (- Anh Sơn nào?) - Anh Sơn *chứ* anh Sơn nào!

(40) (- Đến đâu?) - Thì đến Đầm Sen *chứ* đến đâu!

(41) (- Xem ở đâu?) - Sao bạn lẩn thần thế? Xem ở trong phòng của tôi *chứ* xem ở đâu!

(42) (- Tụi mày muốn gì nào?) - Muốn “tặng” mày cái này *chứ* muốn gì!

Ở về trước của các câu trên, người nói đã trả lời đúng vào tiêu điểm câu hỏi bằng một định ngữ hoặc bổ ngữ tương ứng – xét về mặt thông báo là đã thỏa đáng; ở về sau người nói chất vấn lại chính cái tiêu điểm ấy. Do vậy, về *chứ* đã tạo ra một hàm ý rằng điều vừa nói ở về trước là *đương nhiên*, không có gì phải ngờ vực.

1.2.3. Trường hợp này tương tự trường hợp 1.2.2, nghĩa là về trước là một phát ngôn khẳng định; về *chứ* mang hình thức một chất vấn không có nội dung loại trừ. Trên thực tế, về *chứ* hành chức như một biểu thức cố định: “... *chứ* ai!”, “... *chứ* gì!”, “... *chứ* đâu!”, “... *chứ* mấy!”, “... *chứ* sao!”³. Nhưng có hai điểm khác so với trường hợp 1.2.2:

Thứ nhất, về *chứ* mang hình thức nghi vấn phủ định, nhưng có thể không nhằm một bác bỏ một nhận định hay hàm ý nào của người đối thoại mà chỉ đơn giản là trình bày một đoán định, một suy luận của người nói rằng *không có/còn gì khác, không có/còn ai khác, không có/còn nơi nào khác, không có/còn thế khác, không có/còn lượng nào cao hơn*; tức là những khả năng khác đã bị loại trừ. Tất nhiên, những đoán định, suy luận đó đều phải dựa vào ngôn cảnh hoặc ngữ cảnh đi trước. Thí dụ:

(43) - Tôi có ốm gì đâu. Chỉ tại... chỉ tại tôi không đi học nữa thôi.

- Tụi này biết rồi. (...) Bây giờ bạn học ở ngay tại nhà *chứ* gì?

(44) - Thế nhà chú ấy... số mấy, ở đường nào?

(...) Nhưng đúng vào lúc Tùng sắp sửa buột miệng khai ra địa chỉ mới của Tai To, nó bỗng khựng lại. Câu hỏi quá xá cụ thể của Nghị khiến nó sinh nghi.

- Cúc Phương dò hỏi tao cả buổi không được, nó kêu mày tới “điều tra” *chứ* gì?

³ Thật ra, biểu thức này còn có một dạng thức khác, có ý nghĩa tương đương: “... *chứ* (còn) ai nữa!”, “... *chứ* (còn) gì nữa!”, “... *chứ* (còn) đâu nữa!”, “... *chứ* (còn) mấy nữa!”, “... *chứ* (còn) sao nữa!”. Sự có mặt của *còn* và *nữa* thể hiện rõ hơn ý nghĩa của biểu thức như chúng tôi trình bày.

(45) - Thế bác trai làm gì hả bác?

- Ba thằng Quới Lương làm bốc vác ở cảng. Nhưng ông đã qua đời cách đây chín, mười năm rồi. Khi ông mất, anh em thằng Quới Lương chừng hai, ba tuổi *chứ* mấy!

(46) (- Chim ở đâu mà ném?) - Chim ở trên trời *chứ* đâu!

(47) (- Thế sao phải cho đi vậy?) - Không thích nuôi nữa thì cho *chứ* sao!

Ở (43), nhân vật “Văn Châu” đưa ra thông tin *chứ* không chất vấn hay ngờ vực gì cả, lời đáp của “Quý ròm” đưa một dự đoán (dựa vào thông tin vừa nghe) và xác quyết rằng nó đúng. Ở (44), từ thái độ và lời nói của “Nghị”, “Tùng” suy ra và xác quyết rằng “Nghị” đến để “điều tra” “địa chỉ mới của Tai To”. Ở (45), khi nghe “cô Trinh” hỏi về chồng mình, bà mẹ của “Quới Lương” trả lời, và phỏng chừng tuổi của anh em “Quới Lương” (“còn quá nhỏ, không hơn ba tuổi”); thông tin về tuổi tác này không liên quan trực tiếp đến câu hỏi của “cô Trinh” mà chỉ liên quan phần nào đến ngôn cảnh (ở đoạn trên, “cô Trinh” đến nhà để tìm hiểu lý do “Quới Lương” nghỉ học). Ở (46) và (47) người nói cung cấp thông tin về vị trí, về lý do để trả lời trực tiếp câu hỏi của người đối thoại, đồng thời khẳng định rằng “không thể có khả năng khác”, vì đó là chuyện đương nhiên.

Thứ hai, xét quan hệ giữa đại từ nghi vấn ở về *chứ* với cấu trúc tham tố của về trước, có thể thấy *gi* không tương đương với một danh ngữ chỉ vật nào thuộc về trước (trong “Tôi uống cà phê *chứ* uống *gi*!”), *gi* có ý nghĩa và vai trò tương ứng với danh ngữ “cà phê” ở về trước) cũng không tương đương với yếu tố hạn định cho danh từ đứng trước (trong “Tôi uống nước chanh *chứ* uống nước *gi*!”), *gi* có ý nghĩa và vai trò định ngữ tương ứng với “chanh” ở về trước) mà nó tương đương với cả về trước – ít nhất là phần thuyết của về trước.

(48) - Quỹ của hội thì không thể chi một số tiền lớn như thế! Nhưng anh phó chủ tịch hiện nay của hội phụ huynh trường ta... Bác Mẫn nói chưa dứt lời, cô Trinh đã reo lên:

- Cháu biết rồi! Bác muốn nói đến bác Diêu *chứ gi*! (NNA)

(49) - Nhưng bây giờ em cháu đã có những hai con gái bông rồi ạ!

Người đàn ông vui vẻ gật gù:

- Chắc người ta cũng vừa đem tới tặng *chứ gi*! (NNA)

Ở (48), *gi* không chỉ “bác Diêu” (vì nếu chỉ “bác Diêu” thì phải nói là “... bác Diêu *chứ ai*!”) mà muốn chỉ cả sự tình “muốn nói” (có thể diễn giải cách khác “Bác muốn nói đến bác Diêu *chứ* chắc chắn không muốn gì khác”). Ở (49), *gi* cũng chỉ sự tình “người ta tặng” được nêu trước đó (“Chắc người ta cũng vừa đem tặng *chứ* không phải em cháu mua”).

Như là một hệ quả của những điều vừa trình bày, đại từ nghi vấn *nào* không bao giờ xuất hiện trong cấu trúc đang bàn (không bao giờ có lối nói “... *chứ nào*!”) – lý do là *nào* bao giờ cũng xuất hiện sau một danh từ để làm định ngữ cho nó (“... *chứ* + N + *nào*!”).

1.3. Về câu “**chứ...**” là một thông tin loại trừ ở hình thức một giả định, nhằm xác nhận và tăng cường nội dung đã nêu ở vế trước

Về cơ bản, ở biểu hiện này, vế *chứ* cũng nhằm khẳng định cho nội dung của vế trước, và cả câu vẫn nằm trong mối quan hệ với ngữ cảnh hoặc ngôn cảnh trước đó. Chỉ có điều khác là nội dung của vế *chứ* được thể hiện dưới hình thức một giả định phản thực trái với điều được nói ở vế trước, và do đó mà khẳng định vế trước. Thí dụ:

(50) Cao mới ném *chứ nếu* thấp thì thò tay ra hái chứ cần quái gì mà! (NNA)

(51) Bột ngọt không có hại *chứ nếu* đã biết chắc là nó độc hại thì trên thế giới chả ai cho sản xuất bột ngọt làm gì! (NNA)

(52) Từ lúc đó, ngực Tiểu Long nặng trĩu như đeo đá. Cũng may, tụi bạn cùng lớp chỉ cười rộ lên một lúc rồi thôi, *chứ nếu* tụi nó cứ nhắc chăm chăm về cái sự giãn nở của thời gian để trêu nó, Tiểu Long chỉ có nước độn thổ. (NNA)

Cũng có khi, ở vế *chứ*, người nói khẳng định điều đã nói trước bằng cách trình bày sự việc có thật như một giả định và kết quả của giả định ấy (sự có mặt của *nếu* là không bắt buộc).

(53) Tao bảo mày đọc lại đề toán là để tìm cách giải, *chứ* đọc như đọc tiểu thuyết thì đọc làm gì! (NNA)

(54) Nói tiếng người thì họa may kiếp sau Tai To mới nói được *chứ* gục gác cái đầu lũng thông hai nhánh tai kia thì khi cao hứng con Tai To có thể làm được dễ dàng. (NNA)

Ở thí dụ (53), người nói loại trừ cách đọc “đề toán” như đọc “tiểu thuyết” vì kết quả của cách đọc này là vô ích; ở (54) người nói xác nhận, dưới hình thức giả định, khả năng “gục gác cái đầu” của con chó “Tai To”, từ đó loại trừ khả năng khác (tức là chỉ có thể “gục gác cái đầu” chứ không thể làm gì khác), và như vậy là đã đồng thời khẳng định điều đã nói ở vế trước (“không thể nói tiếng người”).

Trong thực tế sử dụng ngôn ngữ, thường thấy nhất có lẽ là trường hợp vế *chứ* thể hiện một giả định phủ định cùng với kết quả của nó, từ đó khẳng định điều đã nói ở vế trước.

(55) Hôm nay đi sớm một chút, *chứ nếu không* thì không có chỗ ngồi đâu!

(56) Bọn con gái tụi em đùa nào chả chơi nhảy dây! *Chứ không* chơi nhảy dây thì biết chơi trò gì! (NNA)

(57) - Tìm trong đó thì dù tìm đến già cũng đừng hòng mò ra được điều gì!

- *Chứ không* tìm trong này thì tìm ở đâu! - Mạnh gãi cổ. (NNA)

Trong ba câu này, nội dung của vế trước (có thể là phần thuyết hoặc chỉ là bỏ ngữ, trạng ngữ) được lấy làm giả định ở vế sau (“*chứ (nếu) không (X) thì...*”), nhưng không bắt buộc phải có mặt (55).

2. *Chứ* bổ sung

Ở biểu hiện này, *chứ* khởi đầu cho một thông tin, nhận định, có thể ở dạng trần thuật hoặc phủ định hoặc nghi vấn. Trên thực tế, đây là trường hợp hai phát ngôn diễn đạt hai nội dung khác nhau, có thể là hai hành động ngôn ngữ khác nhau, nhưng có quan hệ với nhau. Về *chứ* không loại trừ hoặc bác bỏ những khả năng đối lập với điều đã được nêu ở về trước như ở phần 1 đã nói. Trong chừng mực nào đó, có thể cho rằng đây là một liên từ *chứ* biểu thị nội dung **bổ sung** (đúng nghĩa) cho về trước, nhằm diễn đạt một hàm ý chung. Chẳng hạn:

(58) Bô nó có vẻ nghiêm khắc với nó, *chứ* tính cách của nó thế nào thì ông ấy đã biết.

(59) Bô nó có vẻ nghiêm khắc với nó, *chứ* từ trước đến giờ tôi chưa bao giờ thấy ông đánh nó.

(60) Bô nó nghiêm khắc, *chứ* ông bô nào không nghiêm khắc?

Ở (58), về *chứ* cho biết một thông tin “khác”, “độc lập”, có liên quan đến về “nghiêm khắc” của “bô nó”: “ông ấy có vẻ nghiêm khắc với nó” và/nhưng “ông ấy biết tính cách của nó tốt”, như vậy có thể có cách hiểu là “về nghiêm khắc của ông ấy chỉ là bề ngoài” hoặc “ông ấy vẫn nghiêm khắc với nó, dù biết tính cách của nó tốt”, v.v.. Với tình huống giao tiếp cụ thể, hai phát ngôn liên kết bằng *chứ* như vậy sẽ không khó khăn để người nghe nhận biết hàm ý của người nói. Và xét chung cả câu, có thể nói rằng cả hai về có cùng hành động ngôn ngữ là giải thích hoặc biện minh (người nói muốn giải thích hoặc biện minh cho thái độ của “bô nó”).

Ở (59), về *chứ* là một phát ngôn phủ định (“chưa (bao giờ)”), nhưng không phải là kiểu “loại trừ các khả năng khác”. Ở đây, về *chứ* vẫn là một thông tin “khác”, “độc lập” nhưng có liên quan với về trước: “bô nó nghiêm khắc với nó” nhưng “ông ấy không đánh nó”; từ đó người nghe biết thêm tính cách/thái độ của “bô nó”. Sở dĩ ở đây người nói dùng *chứ* để liên kết hai về là vì nhận ra rằng thông tin đầu tiên có thể dẫn đến một suy luận (ở người nghe) rằng “bô nó nghiêm khắc” → “bô nó đánh nó”. Mối liên kết này cũng tương tự sự “phủ nhận kỳ vọng” của Lakoff [5][10] khi bàn về từ *but* (the denial of expectation *but*), có điều là về sau không khẳng định hay tăng cường mà chỉ bổ sung thông tin cho về trước.

Ở (60), về *chứ* là một phát ngôn nghi vấn, nhưng là nghi vấn phủ định, hàm ý rằng “tất cả các ông bô đều nghiêm khắc”. Điều này bổ sung thông tin cho về trước (không phải khẳng định hay tăng cường) rằng “bô nó nghiêm khắc” và “đó là thái độ bình thường, dễ hiểu của một ông bô”. (Trường hợp này rất gần với những biểu hiện đã nêu ở mục 1.2.2).

Về quan hệ ngữ nghĩa giữa về trước và về sau, thường có bốn trường hợp:

Thứ nhất: Người nói đưa ra một nhận định, khuyến lệnh ở về trước; ngay sau đó ở về *chứ* đưa ra lý do giải thích, vì nếu không thì nhận định, khuyến lệnh đó sẽ khó hiểu hoặc có thể hiểu sai.

(61) (- Thằng bạn hay con bạn?) (...) Nó chỉ muốn trêu Tiểu Long thôi, *chứ* tài làm xiếc với quả bóng của “thằng” Văn Châu thì nó đã tận mắt chứng kiến trong trận đụng nhau với đội khu phố 8 lần trước rồi. (NNA)

(62) Bà không biết đây thôi *chứ* nhỏ Diệp nhà mình nó cứng đầu không thua gì kẻ cướp đâu ạ! (NNA)

(63) Sửa đi, *chứ* mua máy bơm mắc tiền lắm! (NNA)

(64) Chơi cho đã đi, *chứ* thằng Tí về là nó lấy mất đấy!

Ở (61), về trước người nói cho biết rằng “nó muốn trêu Tiểu Long”, về sau tác giả giải thích tại sao câu hỏi của “nó” chỉ là “trêu”: “nó” thừa biết “Văn Châu” là con gái, đá bóng giỏi nhưng vẫn hỏi vặn về “trêu Tiểu Long”. Ở (62), người nói nhận định rằng “bà không biết gì về nhỏ Diệp”, vì “bà” tưởng là “nhỏ Diệp” rất ngoan hiền; về sau cho biết tại sao người nói cho là “bà” nhầm: “nhỏ Diệp” rất “cứng đầu”. Ở (63) và (64), người nói đề nghị người đối thoại “sửa máy”, “chơi cho đã”, với lý do là “mua máy mới thì mắc tiền”, “lát nữa sẽ bị thằng Tí giành mất máy”.

Thứ hai: Người nói dùng về trước để xác nhận/thừa nhận điều mà anh ta cho rằng người nghe đã nhận biết từ sự vật/hiện tượng hiện thực; về *chứ* dùng để “điều chỉnh” nội dung nhận biết đó, nếu không nó sẽ dẫn đến những suy luận hoặc hành động không chính xác, không bản chất.

(65) Chị ta đẹp vậy *chứ* rỗng tuếch!

(66) Ông ta ăn mặc nhếch nhác *chứ* là đại gia đấy!

(67) Chạy vậy *chứ* một tiếng đồng hồ chỉ mất hai ba trăm calo.

Về trước có thể thể hiện cụ thể nội dung nhận biết (như các thí dụ (65)- (67): hai bên đối thoại thấy rõ rằng “chị ta đẹp”, “ông ta ăn mặc nhếch nhác”, “chạy rất nhanh, rất mệt”), về sau là một thông tin, nhận định mà định hướng nghĩa trái với về trước; do vậy nó có tác dụng “điều chỉnh” những gì đã được nhận biết.

Có thể nói đến những mô thức như “*Thấy/Coi vậy, chứ...*”, “*Nghe vậy, chứ...*”, “*Nhìn/Ngó/Xem vậy, chứ...*”; trong đó, đại từ *vậy* được dùng để chỉ cái hiện thực trước mắt hoặc cái hiện thực đã biết. Thí dụ:

(68) Nhìn (nó khăng khiu) vậy, *chứ* nó làm ra trò đấy!

(69) Ngó vậy *chứ* không xa đâu! // Ngó vậy *chứ* xa lắm!

(70) Thấy vậy *chứ* không phải vậy!

Thậm chí, vị từ tri giác đứng trước có thể biến mất, về trước chỉ còn đại từ *vậy*: “*Vậy chứ xa lắm!*”.

Cũng có khi về *chứ* lại là một khuyên lệnh, kết quả của sự “điều chỉnh”, còn bản thân nội dung “điều chỉnh” thì không được hiển ngôn. Thí dụ (phần trong ngoặc không hiển ngôn):

(71) Thấy vậy *chứ* (dùng tốt lắm,) mua đi!

(72) Trông vậy *chứ* (hóa chất đầy trong đó,) đừng mua!

Thứ ba: Người nói có thể lấy chính hành động phát ngôn hoặc sản phẩm phát ngôn (của mình hoặc của người khác) đặt ở vế trước làm phần dẫn nhập, sau đó dùng vế *chứ* để giải thích hoặc điều chỉnh nó. Nội dung của vế trước nhắc lại (không phải lặp lại) một phát ngôn trước đây, có khi chỉ một từ/ngữ, rồi giải thích/biện minh hoặc điều chỉnh nó để hướng người nghe đến cái đúng hơn, thật hơn.

(73) Suốt cả buổi sáng, Quý ròm và nhỏ Hạnh xúm vào thay nhau chỉ cho nó cách lập một phương trình bậc nhất có một ẩn số. Gọi là "xúm vào" cho oai *chứ* thực ra gần như chỉ có nhỏ Hạnh giảng tới giảng lui. (NNA)

(74) Nói làm ruộng *chứ* cũng như làm mướn vì đâu có ruộng đâu cô! (NNA)

(75) Đó là tao dặn phòng hồ thê thôi *chứ* chưa chắc đã có gì thay đổi. (NNA)

Ở biểu hiện này, mô thức thường dùng là “*Nói vậy chứ...*”, “*Nói chứ...*”, “*Nói là nói vậy, chứ...*”, và thường có thể thêm trạng ngữ *thật ra* sau *chứ*.

(76) (- Chiếc thuyền của tụi nhỏ đó! Suýt chút nữa là lật rồi!) - Nói vậy *chứ* để gì lật! (NNA)

(77) (... ba quyết định đem cho Tai To...) - Nói vậy *chứ* không ai nữ đem cho mà y đâu! (NNA)

(78) Tôi dặn nó đi học phải giữ gìn, không được giỡn hớt. Nói *chứ* con gái nó đằm!

Ở các thí dụ trên, rõ ràng có hai sự tình được đề cập, chúng đối lập nhau, nhưng cái sau điều chỉnh cho cái trước. Có thể tạm diễn giải: ở (76) “nói là thuyền suýt lật”, nhưng “thật ra khó lật lắm”; ở (77), “nói là đem Tai To cho người khác”, nhưng “thật ra không nữ cho”; ở (78) “yêu cầu là đừng giỡn hớt” nhưng “thật ra con gái thì không cần yêu cầu như vậy”.

Định hướng nghĩa của *chứ* rõ đến mức, trong giao tiếp thực tế, với ngôn cảnh đã biết hoặc với phát ngôn có trước, người nói chỉ cần nói “*Nói (vậy) chứ...*”, người nghe cũng có thể nhận ra điều bị bỏ lửng.

Thứ tư: Người nói chỉ đặt một đại từ phiếm định (*ai, gì, (ò) đâu, sao*, và đôi khi [N + *nào*]) làm đề ở vế trước, sau đó ở vế *chứ* đưa ra một thông tin, nhận định về một đề khác; do đó tạo ra một hàm ý rằng thông tin, nhận định này chỉ ứng dụng cho đề thứ hai, còn đề thứ nhất nằm ngoài phạm vi ứng dụng đó. Thí dụ:

(79) Ai *chứ* chú Xuân thì mẹ không lo! (NNA)

(80) Ai *chứ* thằng Tắc Kè Bông không đời nào chịu bỏ đi dễ dàng như vậy! (NNA)

(81) Ai *chứ* nhỏ Hạnh thì nó biết tòng tòng tong mọi mảnh khóc của Quý ròm! (NNA)

(82) Ở đâu *chứ* ở đây thì anh yên tâm!

(83) Gì *chứ* nhạc là tôi dốt nhất trên đời!

Trong thực tế sử dụng, có khi người nói hiển ngôn cả phần thuyết của cái đề phiếm định ấy, và lúc này đề của vế *chứ* cũng có thể có phần thuyết tương ứng (phần trong ngoặc ở các thí dụ sau đây), còn phần thuyết cũ bị hạ cấp trở thành một bổ ngữ. Có hai cách:

(84) Ai/Người nào (thì tôi không biết) *chứ* bà (thì tôi biết) là tỉnh ngủ lắm đấy!

(85) Gì (thì tôi không biết) *chứ* tiền thì (tôi biết là) anh ta không thiếu.

Hoặc:

(86) Tưởng gì *chứ* trái lê ki ma thì trẻ con 3 tuổi cũng biết. (NNA)

(87) Tưởng ai *chứ* “thần đồng toán” Quý ròm mà kèm thì mười thằng Tiểu Long cũng phải giỏi chứ đừng nói là một mình nó! (NNA)

Ngay ở (86) và (87), cũng có thể thêm chủ thể (người nói) làm đề: “*Tôi tưởng gì chứ...*”, “*Tôi tưởng ai chứ...*”.

3. Kết luận

Trong tiếng Việt, *chứ* là một liên từ quan trọng, chia sẻ và phân biệt ngữ nghĩa với *còn*, *nhưng*, *mà*. Nó nằm trong quan hệ nội bộ câu (nó liên kết hai vế hay tiểu cú với nhau), nhưng nó cũng có vai trò quan trọng trong tính mạch lạc của văn bản. Có thể nói đến hai ý nghĩa của *chứ*: một biểu thị ý nghĩa “loại trừ” (loại trừ những khả năng khác) để xác nhận và khẳng định cho điều được nêu ở vế trước; và một biểu thị ý nghĩa “bổ sung” – hay nói rõ hơn là mang thông tin “độc lập” (với vế trước) – để giải thích, điều chỉnh cho những nội dung liên quan với vế trước.

Từ những phân tích về *chứ*, có thể thấy những yếu tố cùng nhóm như *nhưng*, *mà*, và đặc biệt là *còn*, cũng cần được làm sáng tỏ trong tương liên với *chứ*. Đây là một hướng nghiên cứu vừa có tính lý thuyết vừa có tính thực tiễn cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Hạo (2004). *Tiếng Việt, sơ thảo ngữ pháp chức năng*. NXB GD. H.
2. Diệp Quang Ban (2012). *Ngữ pháp tiếng Việt – tập 2*. Tái bản lần 17. NXB GDVN. H.
3. Hoàng Trọng Phiến (1980). *Ngữ pháp tiếng Việt – Câu*. NXB ĐH&THCN, H.
4. Hoàng Trọng Phiến (2003). *Cách dùng hư từ tiếng Việt*. NXB Nghệ An. H.
5. Lakoff R. (1971). *Ifs, ands and buts about conjunction*. In: Charles J. Fillmore & D.T. Langendoen (eds.): *Studies in Linguistic Semantics*. Holt, Rinehart & Winston, NY.
6. Lê Thị Minh Hằng (2013). Câu điều kiện và cái cho sẵn. *Ngôn ngữ*, số 7. H.
7. Nguyễn Anh Quế (1988). *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*. NXB KHXH. H.
8. Nguyễn Đức Dân (1984). Ngữ nghĩa các từ hư: định hướng nghĩa của từ. *Ngôn ngữ* số 2. H.
9. Nguyễn Đức Dân (1987). *Lô gích - ngữ nghĩa - cú pháp*. NXB ĐH&THCN. H.
10. Nguyễn Văn Phở (2012). “Mặc dù”, “nhưng” và quan hệ nhượng bộ. *Ngôn ngữ*, số 2. H.